|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ———Số: /TTr-BTC  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**———————————*Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2020* |

DỰ THẢO 27/11

**TỜ TRÌNH**

**Ban hành Nghị định** **quy định chi tiết chi tiết mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp, việc quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án và thù lao**

**Hòa giải viên tại Tòa án**

Kính gửi: Chính phủ

 Căn cứ Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 16/6/2020; Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9: *Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng Nghị định quy định về mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp và quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án, trình Chính phủ theo trình tự thủ tục rút gọn*;

 Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

 Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số .....ngày..., Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp và việc quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án và thù lao Hòa giải viên tại Tòa án như sau:

 **I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

1. Quốc hội đã thông qua Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án ngày 16/6/2020; trong đó, tại Khoản 3 Điều 9 đã giao Chính phủ quy định chi tiết mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp và việc quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Tại điểm k Khoản 1 Điều 14 (Quyền, nghĩa vụ của Hòa giải viên) quy định: Hòa giải viên tại Tòa án được hưởng thù lao theo quy định của Chính phủ.

2. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 về Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9; trong đó, giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng Nghị định quy định về mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp và quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Theo Chương trình công tác của Chính phủ (công văn số 2733/CPCP-TH ngày 7/10/2020 của Văn phòng Chính phủ), Bộ Tài chính phải trình Chính phủ Nghị định trong tháng 11/2020.

Do vậy, việc xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp và việc quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án đã được giao chi tiết tại Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án là cần thiết và và thù lao Hòa giải viên tại Tòa án có căn cứ pháp lý.

**II. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Dự thảo Nghị định được xây dựng đúng trình tự quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, cụ thể:

1. Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định.

2. Bộ Tài chính đã phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao xây dựng dự thảo Nghị định trên cơ sở các chính sách đã được quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 9 và điểm k Khoản 1 Điều 14 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

3. Dự thảo Nghị định không phát sinh các thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ. Dự thảo Nghị định không tạo ra tác động về giới.

4. Dự thảo Nghị định đã được tổ chức lấy ý kiến Ban soạn thảo và Tổ biên tập, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo; lấy ý kiến bằng văn bản các cơ quan thuộc Quốc hội; Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương. Đồng thời, dự thảo Nghị định được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính tại công văn số 13260/BTC-HCSN ngày 29/10/2020.

Ý kiến tham gia đã được Bộ Tài chính nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ *(Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến kèm theo).*

 **III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

1. **Về kết cấu Nghị định:**

- Dự thảo Nghị định gồm 11 Điều như sau: Điều 1, Điều 2: Quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Điều 3. Chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 4. Mức thu chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 5. Nghĩa vụ nộp chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 6. Cơ quan thu chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 7. Trình tự, thủ tục thu, nộp chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 8. Xử lý chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 9. Thù lao Hòa giải viên; Điều 10. Quản lý và sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 11. Hiệu lực thi hành.

1. **Về một số nội dung chính tại dự thảo Nghị định**

***2.1. Về xác định các khoản chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Điều 3):***

- Khoản 2 Điều 9 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án quy định các trường hợp các bên tham gia hòa giải, đối thoại tại Tòa án phải chịu chi phí, bao gồm:

+ Chi phí hòa giải đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch;

+ Chi phí khi các bên thống nhất lựa chọn địa điểm hòa giải, đối thoại ngoài trụ sở Tòa án; chi phí khi Hòa giải viên xem xét hiện trạng tài sản liên quan đến vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính mà tài sản đó nằm ngoài phạm vi địa giới hành chính của tỉnh nơi Tòa án có thẩm quyền giải quyết có trụ sở;

+ Chi phí phiên dịch tiếng nước ngoài.

- Do vậy, Điều 3 dự thảo Nghị định quy định các khoản chi phí cụ thể mà các bên tham gia hòa giải, đối thoại tại Tòa án có nghĩa vụ nộp trong mỗi trường hợp nêu tại khoản 2 Điều 9 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

2.2. Về quy định mức thu chi phí hòa giải đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định:

a) Về nguyên tắc xác định mức thu:

- Tại Khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: *Chi phí hòa giải đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án là những chi phí cần thiết cơ bản cho việc hòa giải tranh chấp bao gồm: Chi thù lao cho Hòa giải viên, chi phí hành chính (Chi văn phòng phẩm, nước uống, các chi phí hành chính trực tiếp khác liên quan đến vụ việc hòa giải) và các chi phí quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này (nếu có).*

- Như vậy, khoản chi thù lao cho Hòa giải viên và chi phí hành chính phục vụ việc hòa giải tại Tòa án là các khoản chi phí cơ bản để phục vụ việc hòa giải, đối thoại; các khoản chi phí khác có thể phát sinh hoặc không tùy từng trường hợp cụ thể.

- Do vậy, dự thảo Nghị định quy định mức thu cụ thể đối với chi phí cơ bản cần thiết để đảm bảo chi thù lao cho Hòa giải viên tại Tòa án, chi phí hành chính phục vụ việc hòa giải tại Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định; các khoản chi phí còn lại sẽ thu theo thực tế phát sinh (nếu có) và khoản 2 và 3 Điều 4 Nghị định quy định cách xác định mức thu của các khoản chi phí này.

b) Về mức thu cụ thể:

- Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, thì mức án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh, thương mại có giá ngạch tối thiểu là 3.000.000 đồng, tối đa là 112.000.000 đồng cộng (+) thêm 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng tùy thuộc vào giá trị của tài sản tranh chấp.

- Dự thảo Nghị định quy định:

+ Để đảm bảo nguyên tắc thu bù chi phí thù lao cho Hòa giải viên và chi phí hành chính phục vụ việc hòa giải tại Tòa án, dự thảo Nghị định quy định mức thu cho việc chi thù lao cho Hòa giải viên và các chi phí hành chính phục vụ việc hòa giải tại Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này là 2.000.000 đồng/vụ việc (bằng 66,7% mức án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh, thương mại có giá ngạch từ 60.000.000 đồng trở xuống quy định tại Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14); không phân biệt giá trị của tài sản tranh chấp. Mức thu này chưa bao gồm chi phí quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 3 dự thảo Nghị định.

+ Trong quá trình hòa giải, đối thoại tại Tòa án nếu phát sinh các khoản chi quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 3 Nghị định này, thì các bên tham gia hòa giải, đối thoại phải chịu chi phí thực tế phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

***2.3. Về nghĩa vụ nộp chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Điều 5):***

- Điều 5 dự thảo Nghị định quy định về nguyên tắc, các bên tham gia hòa giải, đối thoại có nghĩa vụ nộp chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án theo tỷ lệ do các bên thỏa thuận; trừ trường hợp các bên không thỏa thuận được thì bên đề nghị hòa giải có nghĩa vụ nộp chi phí hòa giải quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này; bên đề nghị Hòa giải viên tiến hành các hoạt động làm phát sinh các khoản chi phí theo quy định tại khoản 3 và 4 Điều 3 Nghị định này có nghĩa vụ nộp các chi phí này.

***2.4. Về trình tự, thủ tục thu, nộp chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Điều 7):***

- Điều 7 dự thảo Nghị định quy định:

+ Việc nộp chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án trước phiên hòa giải đầu tiên; trước khi tới địa điểm hòa giải, đối thoại do các bên thống nhất lựa chọn; trước khi tiến hành các hoạt động xem xét hiện trạng, phiên dịch tiếng nước ngoài…

+ Tòa án nơi giải quyết vụ việc hòa giải thông báo cho các bên về việc thu, nộp chi phí hòa giải, đối thoại phải rõ mức thu, thời hạn và hình thức nộp. Hình thức nộp gồm: nộp vào tài khoản tiền gửi của Tòa án tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc nộp tiền mặt tại Tòa án.

*-* Quy định như trên để phù hợp với tình hình thực tế của mỗi vụ hòa giải, đối thoại; đảm bảo thuận lợi cho các bên tham gia hòa giải, đối thoại.

***2.5. Về xử lý chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Điều 8):***

- Căn cứ quy định về các trường hợp chấm dứt hòa giải, đối thoại theo quy định tại Điều 40 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, dự thảo Nghị định quy định việc xử lý chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án như sau:

+ Tại phiên ghi nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành hoặc sau khi chấm dứt hoạt động hòa giải, đối thoại theo quy định tại Điều 40 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Tòa án phải tổng kết và thông báo cho các bên tham gia hòa giải, đối thoại chi tiết các khoản thu, các khoản chi phục vụ hòa giải, đối thoại.

+ Trường hợp sau khi Tòa án chi trả các khoản chi phục vụ việc hòa giải, đối thoại nếu còn dư thì Tòa án thông báo cho các bên tham gia hòa giải, đối thoại nhận lại phần chi phí hòa giải, đối thoại còn lại tương ứng với tỷ lệ chi phí hòa giải do các bên đã nộp theo quy định tại phiên ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại theo quy định.

***2.6. Quy định về chi thù lao cho Hòa giải viên (Điều 9):***

- Theo quy định tại Điều 10 (Điều kiện bổ nhiệm hòa giải viên) Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, một trong những điều kiện bổ nhiệm Hòa giải viên là Hòa giải viên đã là Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên Viện Kiểm sát, Chấp hành viên Thi hành án dân sự, Thanh tra viên, Luật sư, chuyên gia nhà chuyên môn khác có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác.

- Đối với người có trình độ tương đương hòa giải viên nêu trên, trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; trong đó, tại Khoản 2 Điều 13 quy định mức chi thù lao đối với luật sư như sau: *Khi thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức đại diện ngoài tố tụng, luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm trợ giúp pháp lý được hưởng thù lao là 0,31 mức lương cơ sở/buổi làm việc nhưng tối đa không quá 20 buổi làm việc/01 vụ việc.*

Với quy định này thì thù lao của Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng: Nếu tính theo buổi làm việc (1/2 ngày) là 566 nghìn đồng và mức chi tối đa là 30 buổi làm việc bằng 16,986 triệu đồng/vụ việc; nếu khoán vụ việc thì mức tối thiểu là 4,47 triệu đồng/vụ việc, mức tối đa là 14,9 triệu đồng/vụ việc.

- Căn cứ trình độ, tính chất công việc của Hòa giải viên và có so sánh với mức chi thù lao của Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo Nghị định số 144/2017/NĐ-CP, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định mức thù lao của Hòa giải viên tại Tòa án theo vụ việc như sau:

*+ Hòa giải viên được trả thù lao tối đa 1.500.000 đồng đối với 01 vụ việc được hòa giải thành, đối thoại thành;*

*+ Hòa giải viên được trả thù lao tối đa 500.000 đồng đối với 01 vụ việc chấm dứt hòa giải, đối thoại theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 40 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án nếu đã tiến hành hòa giải, đối thoại;*

 *Tùy vào tính chất phức tạp của từng vụ việc, Tòa án nơi giải quyết vụ việc hòa giải, đối thoại quyết định mức chi thù lao cho hòa giải viên theo từng vụ việc cụ thể đảm bảo không vượt mức chi tối đa theo quy định tại Nghị định này.*

***2.7. Về quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Điều 10):***

Dự thảo Nghị định quy định mức thu chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án theo nguyên tắc thu bù đắp chi phí phục vụ hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Do vậy, Điều 10 quy định việc quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án như sau:

- Các khoản thu chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án do các bên tham gia hòa giải, đối thoại nộp theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 7 Nghị định này được sử dụng để chi trả các khoản chi phí phục vụ hòa giải, đối thoại theo quy định tại Điều 3 Nghị định này; không được sử dụng cho các mục đích, nhiệm vụ chi khác.

- Tòa án nhân dân nơi giải quyết vụ việc hòa giải, đối thoại tại Tòa án khi tổ chức thu chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án phải thực hiện việc sử dụng chứng từ kế toán; mở sổ ghi chép đầy đủ các khoản thu, chi phục vụ hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án theo quy định hiện hành của chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; chịu trách nhiệm việc quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án theo đúng quy định.

**IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SAU KHI ĐƯỢC BAN HÀNH**

**1. Nguồn lực về tài chính:**

- Kinh phí, điều kiện bảo đảm tổ chức thi hành Nghị định từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật dành cho các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật; tuyên truyền, phổ biến pháp luật theo quy định hiện hành.

- Đối với các nội dung quy định tại Nghị định:

+ Đối với các vụ việc hòa giải, đối thoại tại Tòa án do ngân sách nhà nước đảm bảo theo khoản 1 Điều 9 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án: Năm 2021 khi Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Nghị định này có hiệu lực thi hành, thì dự kiến tăng chi ngân sách nhà nước khoảng 150 tỷ đồng (bằng số Bộ Tài chính đã tổng hợp trình Quốc hội bố trí kinh phí thực hiện Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án).

+ Đối với các trường hợp chịu chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án: Năm 2021 khi Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Nghị định này có hiệu lực thi hành thì chi phí phục vụ việc hòa giải, đối thoại tại Tòa án do các bên tham gia hòa giải, đối thoại chịu chi phí theo quy định; không tăng chi ngân sách nhà nước.

**2. Nguồn lực về con người:**

Nghị định sau khi được ban hành không làm phát sinh thay đổi tổ chức bộ máy, nhân lực.

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH CHÍNH PHỦ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định: **Tháng 11 năm 2020** (theo Chương trình công tác của Chính phủ).

**V. Ý KIẾN CÁC BỘ, ĐỊA PHƯƠNG VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

1. **Ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương**

Căn cứ Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã có công văn số 13260/BTC-HCSN ngày 29/10/2020 gửi lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương về dự thảo Nghị định quy định chi tiết mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp và việc quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án và thù lao Hòa giải viên tại Tòa án.

Đến ngày 17/11/2020, Bộ Tài chính nhận được 43 ý kiến tham gia; các ý kiến tham gia cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị định. Cụ thể: 28 ý kiến thống nhất hoàn toàn dự thảo Nghị định; 15 ý kiến tham gia nội dung Nghị định. Bộ Tài chính đã lập bảng tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành địa phương đối với dự thảo Nghị định (kèm theo).

**2. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp**

- Sẽ tổng hợp sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định, (2) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, (3) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, (4) Bảng tổng hợp, giải trình ý kiến tham gia...).*

Trên đây là Tờ trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp và việc quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:- Thủ tướng Chính phủ;- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Văn phòng Chính phủ;- Tòa án nhân dân tối cao;- Bộ Tư pháp;- Vụ PC, Vụ NSNN;- Lưu VT, HCSN (10b). | **BỘ TRƯỞNG****Đinh Tiến Dũng** |
|  |  |

 |